

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **04/2019/DS-ST**

Ngày: 06/3/2019

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thăm

2. Ông Lê Thanh Nhã

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 06 tháng 3 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2018/TLST-DS, ngày 24 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 01 năm 2019; Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 01/2019/TB-TA, ngày 11 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn A, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp MKA, xã MT, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp MT, xã MT, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Phạm Văn A trình bày: Từ ngày 22 đến ngày 24 tháng 01 năm 2016 âm lịch Ông A có bán Gừng cho ông Nguyễn Ngọc T số lượng là 6.270kg với giá 4.500đ/kg bằng số tiền 28.215.000 đồng (hai mươi tám triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng). Từng lần mua bán Gừng đều có làm biên nhận, đến ngày 03/02/2016 khi mua bán xong Ông T làm biên nhận tổng cộng nợ số tiền là 28.215.000đ và hẹn đến ngày 05 tây sẽ thanh toán. Đến hạn Ông T không trả, Ông A có đòi nhiều lần nên Ông T trả được 8.215.000 đồng còn lại 20.000.000đ. Đến ngày 13/3/2017 tại

Biên bản hòa giải Áp Ông T cam kết kể từ ngày 15/4/2017 mỗi tháng trả 1.000.000đ cho đến ngày 15/12/2017 là dứt nợ. Nhưng sau đó Ông T trả được 3 lần bằng số tiền là 7.000.000đ, còn lại 13.000.000đ không trả cho đến nay. Tại phiên tòa Ông A yêu cầu Ông T trả 13.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 15/12/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Ông T thống nhất theo lời trình bày của Ông A, Ông T thừa nhận còn nợ Ông A tiền mua Gừng là 13.000.000 đồng. Nay hoàn cảnh khó khăn nên yêu cầu trả gốc là 13.000.000 đồng và xin trả dần cho Ông A là mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm có: 02 Biên nhận ngày 22-24/01/2016 và ngày 03/02/2016; Biên bản hòa giải ở cơ sở ngày 13/03/2017.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Ngọc T nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Ngọc T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả tiền mua gừng còn thiếu là 13.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ ngày 22 đến ngày 24 tháng 01 năm 2016 âm lịch Ông A có bán Gừng cho Ông T tổng cộng là 6.270kg với giá 4.500đ/kg bằng số tiền 28.215.000đ, khi mua bán hai bên có làm biên nhận, đến ngày 03/02/2016 hai bên có đối chiếu và làm biên nhận nội dung Ông T có thiếu Ông A 28.215.000đ và hẹn đến ngày 05/02/2016 sẽ thanh toán nợ cho Ông A. Ông A có đòi nhiều lần Ông T trả được tổng cộng là 15.215.000đ, còn thiếu lại số tiền 13.000.000đ, Ông T hẹn đến ngày 15/12/2017 sẽ trả hết số tiền còn nợ cho Ông A mà không trả. Lời trình bày của Ông A được Ông T thừa nhận, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận lời trình bày của các đương sự là đúng sự thật. Ông T không trả đủ tiền mua Gừng cho Ông A là vi phạm khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 nên yêu cầu của Ông A là có căn cứ.

[2]. *Xét về lãi suất:* Theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo đơn khởi kiện Ông A yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 15/12/2017 cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ kiện. Mức lãi suất áp dụng theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, tức 0.8%/tháng. Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 15/12/2017 đến ngày

06/3/2019 là 14 tháng bằng $13.000.000 \text{ đồng} \times 14 \text{ tháng} \times 0.8\%/\text{tháng} = 1.456.000 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu của Ông T xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000đ cho đến khi hết tiền nợ nhưng phía nguyên đơn Ông A không đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[3] . *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông T phải chịu tiền án phí là $14.456.000\text{đ} \times 5\% = 722.000\text{đ}$ (bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng chẵn).

Hoàn trả cho ông Phạm Văn A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 325.000 đồng theo biên lai thu số 0004398, ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 92, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 357, 430, 440, 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn A đối với bị đơn ông Nguyễn Ngọc T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán. Buộc ông Nguyễn Ngọc T trả cho ông Phạm Văn A số tiền 14.456.000đ (mười bốn triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu tiền án phí là $14.456.000\text{đ} \times 5\% = 722.000\text{đ}$ (bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng chẵn).

Hoàn trả cho ông Phạm Văn A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 325.000 đồng theo biên lai thu số 0004398, ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu VP.

Phan Văn Tịnh

